



www.vandientujaki.com

Hotline: **0978 67 1212**

VAN 1 CHIỀU LÁ HỎI NỐI REN THÉP RÈN A105 CLASS 800

NHÃN HIỆU	DR
TÊN SẢN PHẨM	VAN 1 CHIỀU LÁ HỎI NỐI REN THÉP RÈN A105 CLASS 800
Kết Nối	Nối ren trong BSPT / NPT (TC-554S)
Thân Van	Thép rèn / Forged Steel ASTM A105
Nắp Van	Thép rèn / Forged Steel ASTM A105
Đĩa Van	Thép không gỉ / Inox ASTM A276-420
Đĩa Van	Thép không gỉ / Inox ASTM A276-420
Ty Van	Thép không gỉ / Inox ASTM A276-420
Áp Lực	Class 800 Lbs
Nhiệt Độ	Max 425°C
Sử Dụng	Xăng, Dầu, Gas, Hơi nóng, Khí nén, Nước,
Kích Cỡ	DN15 → DN50 ~ (1/2" inch → 2" inch)
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%



-VALVE

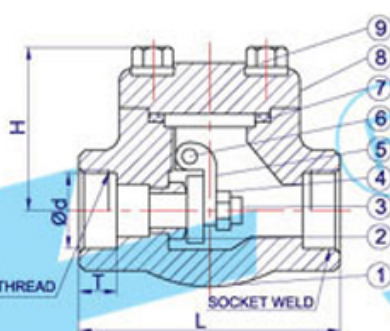
FORGED STEEL SWING CHECK VALVE
800LB

SCREWED END
BUTT WELD END



800LB 鍛鋼旋啟式止回閥

800LB FORGED STEEL SWING CHECK VALVE



牙口端 SCREWED END

TC-553S A182 F22-ANSI-800LB

TC-554S A105N-ANSI-800LB

TC-555S A182 F304-ANSI-800LB

TC-556S A182 F316-ANSI-800LB

套焊口端 SOCKET WELD END

TC-553SW A182 F22-ANSI-800LB

TC-554SW A105N-ANSI-800LB

TC-555SW A182 F304-ANSI-800LB

TC-556SW A182 F316-ANSI-800LB

壓力測試 TEST PRESSURE:

公稱壓力	Nominal pressure	800	CL
強度試驗	Strength testing pressure	21	MPa
上密封試驗	Back seal test	15.6	MPa
密封試驗	Seal test	15.6	MPa
氣密封試驗	Steam seal test	0.6	MPa
最高工作溫度	Max. working temperature	425	°C
適用介質	Applicable	W.O.G. etc	

材質表 MATERIALS LIST:

NO.	名稱	PART NAME	CS to ASTM	AS to ASTM	SS to ASTM	
			Type A 105N	Type F 22	Type F304(L)	Type F316(L)
1	閥體	BODY	A105N	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
2	閥座	STEM RING	A276 420	A276 304	A276 304(L)	A276 316(L)
3	閥瓣	DISC	A276 420	A276 F22	A276 304(L)	A276 316(L)
4	螺母	NUT	A194 2H	A194 4	A194 8	A194 8M
5	搖臂	HINGE	A182 304 (L)		A182 F316(L)	
6	圓柱銷	PIN	A276 420	A182 F304(L)		A182 F316(L)
7	墊片	GASKET	304+GRAPHITE		316+GRAPHITE	
8	閥蓋	BONNET	A105N	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
9	螺栓	BONNET BOLT	A193 B7	A193 B16	A193 B8(M)	A193 B8M

尺寸表 DIMENSIONS:

SIZE	d	L	H	T
1/2"	21.9	79	55	9.6
3/4"	27.2	92	58	12.7
1"	33.9	111	72	12.7
1 1/4"	42.7	120	85	12.7
1 1/2"	48.8	120	100	12.7
2"	61.1	140	108	15.7

Sản phẩm khác



Tên Sản Phẩm
Nhãn Hiệu
Xuất Xứ
Kết Nối
Thân

Nắp

Đệm Kín
Áp Lực
Sử Dụng
Tình Trạng



KÍNH QUAN SÁT

DR

Đài Loan

Mặt bích JIS10K / DIN PN16 / ANSI 150LB

Inox 304 CF8 / Inox 316 CF8M / Gang đúc FC /
Gang dẻo FCD

Inox 304 CF8 / Inox 316 CF8M / Gang đúc FC /
Gang dẻo FCD

PTFE / TEFLON / Amiang phủ than chì

DIN PN16 / CLASS 150 / JIS10K

Chất lỏng

Hàng có sẵn, mới 100%

KÍNH QUAN SÁT NỐI BÍCH JIS10K

[Xem thêm KÍNH QUAN SÁT NỐI BÍCH JIS10K](#)



NHÃN HIỆU



DR

TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối

Thân Van

Trục Van

Bi Van

Đệm Kín

Áp Lực

Kích Cỡ

Sử Dụng

Tình Trạng

Đơn Giá

VAN BI 1 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 316
- 304

Ren trong BSPT / NPT (2 đầu ren trong)

Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M/316 & CF8/304

Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316

Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316

Teflon - PTFE

Maximum 1000 WOG / PSI

DN 8A đến DN 50A ~ (1/2" inch → 2" inch)

Nước, nước thải, xăng, dầu, hóa chất, khí nén, hơi
nóng

Hàng có sẵn, mới 100%

Xin liên hệ

VAN BI INOX 304 NỐI REN TAY GẠT 1PC

[Xem thêm VAN BI INOX 304 NỐI REN TAY GẠT 1PC](#)



NHÃN HIỆU

TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối

Thân Van

Nắp Van

Trục Van

Bi Van

Đệm Kín

Áp Lực

Kích Cỡ

Sử Dụng

DR

VAN BI 2 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 304

Ren trong - BSPT / NPT (Nối 2 đầu ren trong)

Thép không gỉ / CF8 / Inox 304

Thép không gỉ / CF8 / Inox 304

Thép không gỉ / SUS304 / Inox 304

Thép không gỉ / SUS304 / Inox 304

Teflon - PTFE

Max 1000 WOG / PSI

DN 8A đến DN 100A (1/4" inch đến 4" inch)

Nước, nước thải, xăng, dầu, gas, hóa chất, khí nén,
hơi nóng

Tình Trạng

Hàng có sẵn, mới 100%

[VAN BI 2PC INOX 304 NỐI REN TAY GẠT](#)

[Xem thêm VAN BI 2PC INOX 304 NỐI REN TAY GẠT](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đai Ốc
Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng
Tình Trạng

—

DR
VAN BI 3 MẢNH TAY GẠT NỐI REN INOX 316
- 304
Ren trong - BSPT / NPT
Thép không gỉ / Inox A 351CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ / Inox A 351CF8M-316 & CF8-304
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316
4 đai ốc thép không gỉ / Inox SUS 304
Teflon - PTFE
Maximum 1000 WOG / PSI
DN 8A đến DN 50A (1/4" inch đến 2" inch)
Nước, nước thải, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng
Hàng có sẵn, mới 100%

[VAN BI 3 MẢNH INOX NỐI REN](#)

[Xem thêm VAN BI 3 MẢNH INOX NỐI REN](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bi Van
Đai Ốc
Đệm Kín
Áp Lực
Nhiệt Độ
Kích Cỡ
Sử Dụng
Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

DR

VAN BI 3 MẢNH TAY GẠT NỐI HÀN INOX
316-304

Hàn đối đầu - (B/W)

Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M-316 & CF8-304

Thép không gỉ - Inox A 351 CF8M-316 & CF8-304

Thép không gỉ - Inox SUS 304 & SUS 316

Thép không gỉ - inox SUS 304 & SUS 316

Thép không gỉ - Inox SUS 304

Teflon - PTFE

Maximum 1000 WOG/PSI

Max 200°C

DN 15A đến DN 50A ~ (1/2" inch đến 2" inch)

Nước, nước thải, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng

Hàng có sẵn, mới 100%

Đài Loan

Xin liên hệ

[VAN BI HÀN INOX 3 MẢNH](#)

[Xem thêm VAN BI HÀN INOX 3 MẢNH](#)



NHÃN HIỆU
TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Định Hướng
Thân Van
Nắp Van
Trục Van
Bì Van

Đệm Kín
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

—

DR

VAN BI 3 NGÃ NỐI REN INOX 316/ 304
Ren trong - BS PT, NPT (Nối 3 đầu ren trong)
Đóng & Mở : Kiểu Chữ L & T
Thép không gỉ- Inox A531 CF8M/ 316 & CF8/ 304
Thép không gỉ- Inox A531 CF8M/ 316 & CF8/ 304
Thép không gỉ- Inox SS 304 & SS 316
Thép không gỉ- Inox A351/ SUS 316 & A351/
SUS 304
Ron Teflon - PTFE
1000 WOG-PSI
DN 8A → DN 50A ~ (¼" inch → 2" inch)
Nước, nước thải, hóa chất, dầu, gas, khí nén, hơi
nóng, ...
Hàng có sẵn, mới 100%
Đài Loan
Xin liên hệ

[VAN BI 3 NGÃ TAY GẠT INOX 316](#)

[Xem thêm VAN BI 3 NGÃ TAY GẠT INOX 316](#)